

BẢN TIN NGÀY 31/5/2023

TRẢ ĐIỂM KỸ THUẬT AN TOÀN, THỊ TRƯỜNG TIẾP TỤC TÍCH LŨY

HOSE	
Tổng số cổ phiếu	572
Số mã tăng giá	225
Số mã giảm giá	167
Số mã tham chiếu	56
Số mã không giao dịch	124

HNX	
Tổng số cổ phiếu	348
Số mã tăng giá	131
Số mã giảm giá	61
Số mã tham chiếu	49
Số mã không giao dịch	107

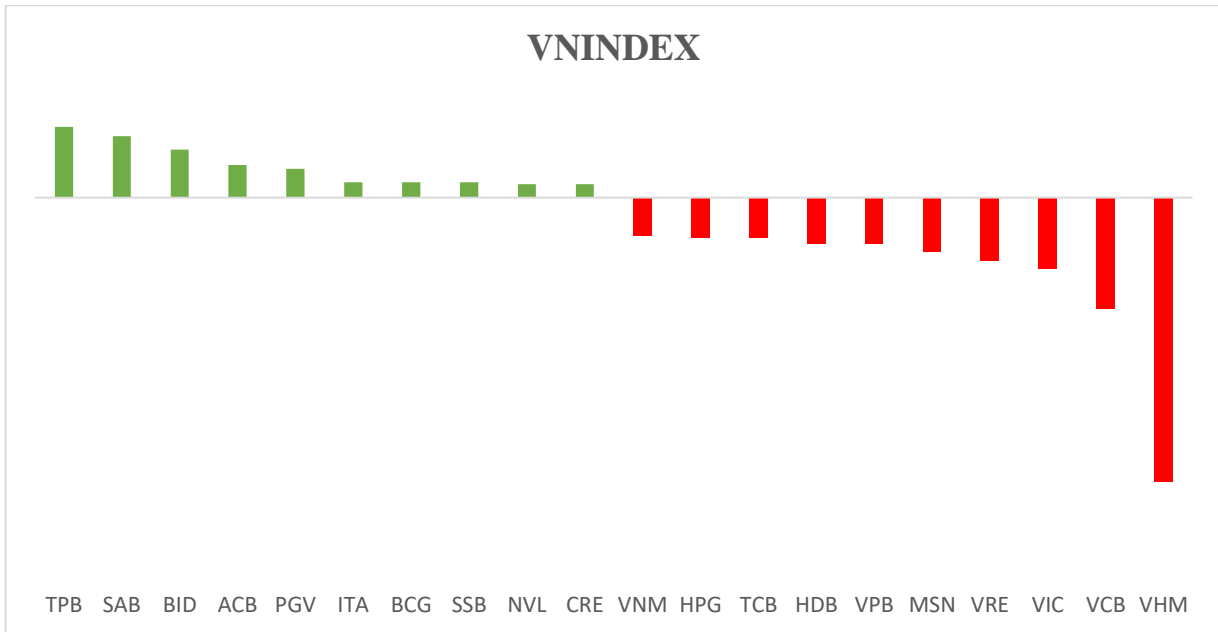
UPCOM	
Tổng số cổ phiếu	860
Số mã tăng giá	203
Số mã giảm giá	103
Số mã tham chiếu	70
Số mã không giao dịch	484

Kết thúc phiên giao dịch ngày 31/05/2023, VNINDEX giảm 2.88 điểm (*ương đương 0.27 %*) xuống mức 1075.17 điểm. Trên sàn HOSE có 225 mã tăng, 167 mã giảm và 56 mã giữ tham chiếu. Giá trị giao dịch tăng và khối lượng giao dịch của thị trường ngày hôm nay tăng nhẹ so với phiên trước đó với tổng giá trị khớp lệnh đạt 15818.599 tỷ đồng.



Các mã có tác động tích cực nhất đến VNINDEX bao gồm TPB (+0.3682 điểm), SAB (+0.3238 điểm), BID (+0.2556 điểm), ACB (+0.1692 điểm), PGV (+0.1576 điểm).

Ngược lại, các mã tác động tiêu cực nhất đến chỉ số bao gồm VHM (-1.4831 điểm), VCB (-0.5886 điểm), VIC (-0.3763 điểm), VRE (-0.3336 điểm), MSN (-0.2815 điểm).



Khối ngoại hôm nay BÁN ròng với giá trị khoảng 450 tỷ trên toàn thị trường, trong đó khối ngoại tập trung BÁN mạnh nhất là NVL với giá trị BÁN ròng lên đến gần 77.14 tỷ đồng, tiếp theo là EIB với giá trị là 65.27 tỷ và cuối cùng là HPG với giá trị là 48.1 tỷ. Chiều ngược lại, khối ngoại tập trung MUA ròng CTG với giá trị tỷ là 40.55 tỷ, tiếp theo là PVS với giá trị là 20.88 tỷ và cuối cùng là PVD với giá trị là 13.84 tỷ.

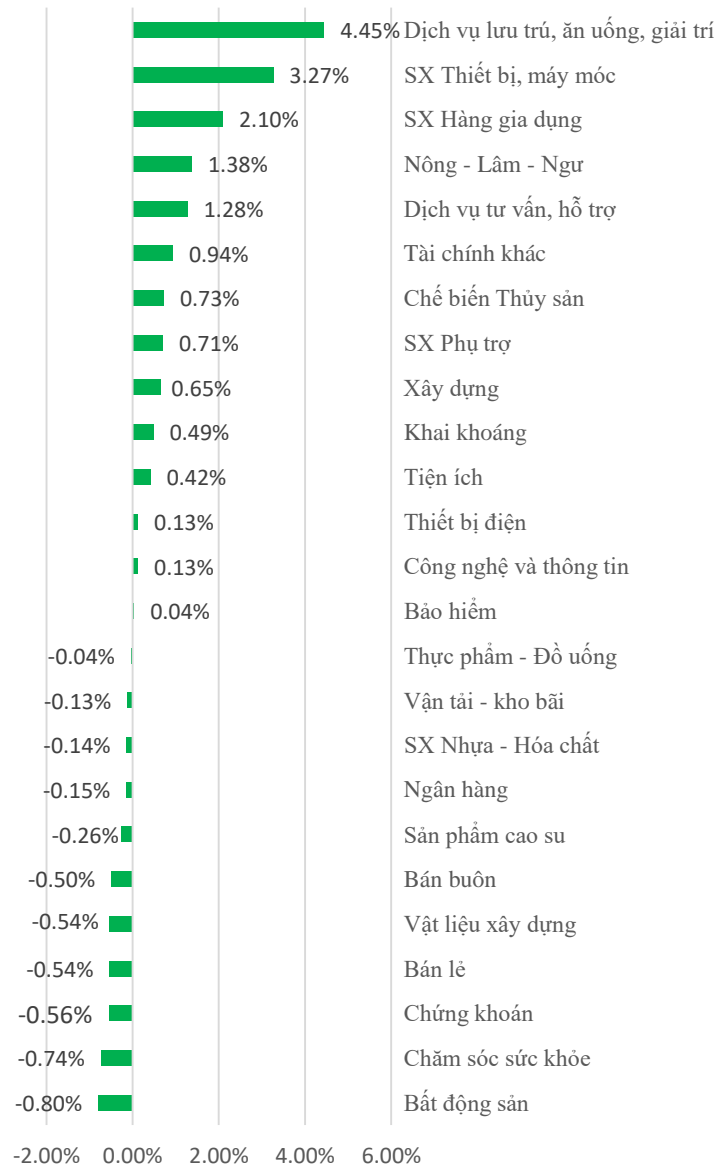
Top NN mua ròng				Top NN bán ròng			
Mã CK	GT mua ròng (Tỷ đồng)	Giá	Thay đổi	Mã CK	GT bán ròng (Tỷ đồng)	Giá	Thay đổi
CTG	40.55	28.00	-0.05 (-0.18%)	NVL	-77.14	13.50	0.15 (1.12%)
PVS	20.88	31.00	0.40 (1.31%)	EIB	-65.27	20.30	-0.15 (-0.73%)
PVD	13.84	24.20	0.15 (0.62%)	HPG	-48.10	21.20	-0.15 (-0.70%)
VPI	13.24	54.00	0.20 (0.37%)	STB	-45.59	27.70	- (0.00%)
VIC	11.70	52.00	-0.40 (-0.76%)	VNM	-45.13	66.10	-0.40 (-0.60%)
DGC	8.02	53.60	-0.20 (-0.37%)	QNS	-42.74	43.10	-0.50 (-1.15%)
FCN	7.91	15.45	0.15 (0.98%)	VRE	-41.35	27.10	-0.60 (-2.17%)
HHV	6.18	14.70	-0.20 (-1.34%)	NLG	-27.66	32.00	-0.30 (-0.93%)
LHG	5.38	28.90	0.90 (3.21%)	PC1	-21.02	30.10	0.80 (2.73%)
DGW	5.30	35.40	-0.25 (-0.70%)	VHM	-18.91	53.50	-1.40 (-2.55%)

Trong 25 nhóm ngành ngày hôm nay, có 14 nhóm ngành tăng điểm, các nhóm tăng điểm chủ yếu đó là: *Dịch vụ lưu trú và ăn uống giải trí, SX thiết bị máy móc và SX hàng gia dụng*, 11 nhóm ngành bị điều chỉnh, tiêu biểu là các nhóm *Bất động sản, Chăm sóc sức khỏe và Chứng khoán*.



Nhóm ngành	Giá hiện tại	% Thay đổi
Bất động sản	441.26	-0.80%
Chăm sóc sức khỏe	459.50	-0.74%
Chứng khoán	107.46	-0.56%
Bán lẻ	519.05	-0.54%
Vật liệu xây dựng	687.54	-0.54%
Bán buôn	32.42	-0.50%
Sản phẩm cao su	244.94	-0.26%
Ngân hàng	566.71	-0.15%
SX Nhựa - Hóa chất	472.87	-0.14%
Vận tải - kho bãi	422.16	-0.13%
Thực phẩm - Đồ uống	1,140.87	-0.04%
Bảo hiểm	123.22	0.04%
Công nghệ và thông tin	326.59	0.13%
Thiết bị điện	179.81	0.13%
Tiện ích	507.98	0.42%
Khai khoáng	202.35	0.49%
Xây dựng	486.18	0.65%
SX Phụ trợ	417.73	0.71%
Chế biến Thủy sản	1,719.04	0.73%
Tài chính khác	13.53	0.94%
Dịch vụ tư vấn, hỗ trợ	276.64	1.28%
Nông - Lâm - Ngư	25.28	1.38%
SX Hàng gia dụng	306.06	2.10%
SX Thiết bị, máy móc	14.33	3.27%
Dịch vụ lưu trú, ăn uống, giải trí	47.13	4.45%

CHỈ SỐ CÁC NHÓM TÁC ĐỘNG



CẬP NHẬT CÁC TIN NỔI BẬT CỦA DOANH NGHIỆP NGÀY 31/05/2023

- **Bộ Xây dựng tiếp tục đề xuất gỡ khó cho doanh nghiệp bất động sản:** Bộ Xây dựng vừa đề xuất Tổ công tác của Thủ tướng tiếp tục làm việc với các địa phương, doanh nghiệp bất động sản để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Bộ Xây dựng vừa trình Thủ tướng ban hành công điện về tháo gỡ và thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển an toàn, lành mạnh, bền vững theo hướng khó khăn ở đâu giải quyết ở đó. Theo dự thảo công điện của Bộ Xây dựng gửi tới Văn phòng Chính phủ, trong thời gian qua, Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ đã, đang tích cực chủ động làm việc với các địa phương, doanh nghiệp bất động sản để trực tiếp giải đáp, hướng dẫn các địa phương, doanh nghiệp, nhằm tháo gỡ khó khăn và thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển an toàn, lành mạnh, bền vững.
- **Một công ty con của Novaland báo lãi lớn, mua lại gần 750 tỷ đồng trái phiếu trước hạn:** Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Long Hưng Phát là công ty con của Novaland và là chủ đầu tư dự án Aqua Riverside City tại TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Long Hưng Phát là công ty con của Novaland và là chủ đầu tư dự án Aqua Riverside City tại TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Long Hưng Phát vừa công bố thông tin định kỳ về tình hình tài chính năm 2022. Theo đó, trong năm vừa rồi, Long Hưng Phát ghi nhận lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt gần 565 tỷ đồng, tăng 21% so với kết quả năm 2021. Trong báo cáo thường niên của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland - HOSE: NVL) - công ty mẹ của Long Hưng Phát cho biết trong năm 2022, doanh thu thuần của công ty đạt 1.404 tỷ đồng, tăng 63% so với năm 2021.
- **Mảng xây dựng gặp khó, Bất động sản Điện lực Miền Trung (LEC) đảo chiều báo lỗ sau quý I:** Quý I/2023, Công ty CP Bất động sản Điện lực Miền Trung (HOSE: LEC) báo lỗ sau thuế gần 7 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ năm trước có lãi 1,1 tỷ đồng. Báo cáo tài chính hợp nhất quý I/2023 của LEC thể hiện, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chỉ đạt 39,4 tỷ đồng, giảm khoảng 22 tỷ đồng so với quý I/2022, tương ứng giảm 35,4% (quý I/2022 doanh thu đạt hơn 61 tỷ đồng). Lợi nhuận gộp đạt 2,9 tỷ đồng, giảm đến 67% so với mức 8,89 tỷ đồng ở kỳ so sánh. Doanh thu hoạt động tài chính chỉ hơn 255 nghìn đồng, tuy nhiên chi phí tài chính (lãi vay) lại tăng mạnh, ở mức 8,1 tỷ đồng, tăng 29,8% so với cùng kỳ. Đây cũng là chỉ số duy nhất ghi nhận tăng so với quý I/2022. Doanh thu ẻo uột khiến LEC khép lại quý I/2023 với bức tranh tài chính ảm đạm. Quý



này, Bất động sản Điện lực Miền Trung ghi nhận khoản lỗ hơn 6,899 tỷ đồng, trong khi quý I/2022 đạt mức lãi 1,1 tỷ đồng.

- **Thu về gần 37.000 tỷ đồng sau 4 tháng, Thế giới Di động (MWG) kiếm tiền từ những mảng nào?:** Công ty CP Đầu tư Thế giới Di động (HOSE: MWG) vừa công bố ước tính doanh thu 4 tháng đầu năm 2023 và một lần nữa ngắt quãng công bố lợi nhuận hàng tháng. Theo công bố của Thế giới Di động, doanh thu 4 tháng đầu năm 2023 ghi nhận 36.847 tỷ đồng, giảm 23% so với cùng kỳ và hoàn thành 27% so với kế hoạch năm (kế hoạch doanh thu 135.000 tỷ đồng). Trong đó, doanh thu chuỗi Thế giới Di động đóng góp 24% tổng doanh thu; doanh thu chuỗi Điện Máy Xanh đóng góp 50,1% tổng doanh thu; doanh thu chuỗi Bách hóa Xanh đóng góp 23,5% tổng doanh thu; và hoạt động khác đóng góp 2,4% tổng doanh thu. 4 tháng đầu năm, doanh thu của chuỗi Thế giới Di động và Điện Máy Xanh đạt khoảng 27.500 tỷ đồng, giảm 30% so với cùng kỳ. Trong đó, riêng tháng 4, tổng doanh thu khoảng 7.300 tỷ đồng, tăng 30% so với tháng 3/2023.
- **Người dân 'thất lưng buộc bụng', doanh thu tháng 4 của 'ông lớn' kim hoàn PNJ suy giảm:** PNJ cho biết điều kiện kinh doanh đang không tốt, tựa như "con gió ngược" mạnh lên vào tháng 4, khiến lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp cũng giảm đến 24% so với tháng 4/2022 về mức 111 tỷ đồng. Công ty CP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (HOSE: PNJ) vừa công bố báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh tháng 4, theo đó, doanh nghiệp ghi nhận doanh thu giảm hơn 18% so với cùng kỳ năm ngoái, xuống còn 2.263 tỷ đồng. PNJ cho biết điều kiện kinh doanh đang không tốt, tựa như "con gió ngược" mạnh lên vào tháng 4, khiến lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp cũng giảm đến 24% so với tháng 4/2022 về mức 111 tỷ đồng. Lũy kế 4 tháng đầu năm, doanh thu của PNJ đạt hơn 12.050 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt gần 860 tỷ đồng, lần lượt giảm 6,6% và khoảng 1% so với cùng giai đoạn 2022. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng trong những tháng đầu năm ngoái, các chỉ tiêu kinh doanh của PNJ đều tăng kỷ lục.
- **Bán cảng Nam Hải Đình Vũ 'nhét túi' hàng nghìn tỷ đồng, Gemadept vẫn đưa kế hoạch lợi nhuận 'giật lùi' trong 2023:** Mặc dù không công bố khoản lợi nhuận thu về từ việc chuyển nhượng toàn bộ cảng Nam Hải Đình Vũ nhưng Công ty Chứng khoán Agribank nhận định, mức giá bán Cảng Nam Hải Đình Vũ có thể thu về khoảng 2.000 tỷ đồng và ghi nhận lợi nhuận đột biến cho Gemadept trong năm 2023. Theo báo cáo tài chính hợp nhất quý I/2023, Công ty CP Gemadept (HOSE: GMD) ghi nhận doanh thu đạt 901 tỷ đồng, tăng nhẹ 2,5% so với thực hiện của năm ngoái, nhưng lợi nhuận sau

thuế lại giảm 20,3% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 254 tỷ đồng. Riêng lợi nhuận sau thuế công ty mẹ đạt 202 tỷ đồng, giảm 26% so với cùng kỳ. Giải trình về việc lợi nhuận giảm trong 3 tháng đầu năm, Gemadept cho biết, nguyên nhân chủ yếu do lợi nhuận từ hoạt động khai thác cảng và logistics tăng hơn 58 tỷ đồng, lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết giảm hơn 104 tỷ đồng, trong khi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tăng hơn 25 tỷ đồng.

CẬP NHẬT CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN TRONG TUẦN 29/05/2023 – 02/06/2023

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	TR1	UPCoM	2/6/2023	5/6/2023	19/06/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	HTI	HOSE	2/6/2023	5/6/2023	22/06/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	HNB	UPCoM	2/6/2023	5/6/2023	11/7/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	HFB	UPCoM	2/6/2023	5/6/2023	27/06/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 450 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	CSV	HOSE	2/6/2023	5/6/2023	26/06/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	GTS	UPCoM	1/6/2023	2/6/2023	3/7/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	NTH	HNX	1/6/2023	2/6/2023	19/06/2023	Trả cổ tức đợt 4/2022 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	DHP	HNX	1/6/2023	2/6/2023	23/06/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	SJ1	HNX	1/6/2023	2/6/2023	20/06/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	ACB	HOSE	1/6/2023	2/6/2023	12/6/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	ACB	HOSE	1/6/2023	2/6/2023		Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu



12	VNC	HNX	1/6/2023	2/6/2023	16/06/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	PPH	UPCoM	1/6/2023	2/6/2023	12/6/2023	Trả cổ tức đợt 3/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	SZL	HOSE	31/05/2023	1/6/2023	19/06/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 3,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	DSC	UPCoM	31/05/2023	1/6/2023		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
16	GDT	HOSE	31/05/2023	1/6/2023	15/06/2023	Trả cổ tức đợt 3/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	NTP	HNX	31/05/2023	1/6/2023	9/6/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	TDN	HNX	31/05/2023	1/6/2023	14/06/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	VGC	HOSE	31/05/2023	1/6/2023	21/06/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	TDW	HOSE	31/05/2023	1/6/2023	12/6/2023	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	WCS	HNX	31/05/2023	1/6/2023	23/06/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	M10	UPCoM	31/05/2023	1/6/2023	9/6/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	GLW	UPCoM	31/05/2023	1/6/2023	9/6/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	HGW	UPCoM	31/05/2023	1/6/2023	15/06/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 98 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	SIV	UPCoM	30/05/2023	31/05/2023	20/06/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	CTW	UPCoM	30/05/2023	31/05/2023	23/10/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 760 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



27	BSL	UPCoM	30/05/2023	31/05/2023	20/06/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	HRB	UPCoM	30/05/2023	31/05/2023	19/06/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
29	SKN	UPCoM	30/05/2023	31/05/2023	13/06/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 299.8 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
30	TOW	UPCoM	30/05/2023	31/05/2023	19/09/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
31	VNX	UPCoM	30/05/2023	31/05/2023	15/06/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 6,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
32	GMX	HNX	30/05/2023	31/05/2023	15/06/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
33	GND	UPCoM	30/05/2023	31/05/2023	21/06/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
34	TMB	HNX	30/05/2023	31/05/2023	16/06/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
35	TED	UPCoM	30/05/2023	31/05/2023	30/06/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 2,300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
36	TBC	HOSE	30/05/2023	31/05/2023	23/06/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
37	BMC	HOSE	30/05/2023	31/05/2023	14/06/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
38	ABB	UPCoM	30/05/2023	31/05/2023		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
39	CMN	UPCoM	30/05/2023	31/05/2023	12/6/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 2,600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
40	MKP	UPCoM	30/05/2023	31/05/2023	9/6/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
41	PEQ	UPCoM	30/05/2023	31/05/2023	15/06/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



42	DDN	UPCoM	30/05/2023	31/05/2023	30/06/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
43	NLG	HOSE	29/05/2023	30/05/2023	30/06/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
44	HDB	HOSE	29/05/2023	30/05/2023	12/6/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
45	QTP	UPCoM	29/05/2023	30/05/2023	9/6/2023	Trả cổ tức đợt 2/2022 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
46	TCD	HOSE	29/05/2023	30/05/2023		Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
47	VMA	UPCoM	29/05/2023	30/05/2023	6/6/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
48	STD	OTC	29/05/2023	30/05/2023	15/06/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
49	VGR	UPCoM	29/05/2023	30/05/2023	14/06/2023	Trả cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
50	NVP	UPCoM	29/05/2023	30/05/2023	29/06/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 188 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
51	MLC	UPCoM	29/05/2023	30/05/2023	30/06/2023	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 1,300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt